| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN ĐỀ**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 4 – 2023
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Ông Trần Hoàng Việt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị Phol L, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Ông Đào Thành C, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Thạch Thị Phol L trình bày:*

Bà Thạch Thị Phol L với ông Đào Thành C kết hôn với nhau vào năm 2007. Hai người đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận số 58 ngày 27/02/2009.

Thời gian đầu sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn hạnh phúc thường xuyên cãi vả. Ông C có tính ghen tuông thường xuyên đánh đập bà L. Hai người đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Thời gian chung sống ông bà có hai con chung tên Đào Thành C1, sinh ngày 10/11/2007 và Đào Thị Huyền T, sinh ngày 27/3/2012, hiện hai con đang sống cùng bà L.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Thạch Thị Phol L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Đào Thành C.

- Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của con. Người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết án, bị đơn ông Đào Thành C trình bày:*

Ông C thừa nhận về tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà L đã trình bày là đúng. Nhưng ông C không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị Phol L ly hôn với ông Đào Thành C. Về con chung: Giao cháu Đào Thành C1, sinh ngày 10/11/2007 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đào Thị Huyền T, sinh ngày 27/3/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C và bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Thạch Thị Phol L vắng mặt nhưng nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Còn ông Đào Thành C vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Thạch Thị Phol L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án cho ly hôn với ông Đào Thành C.

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Phol L với ông Đào Thành C là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, ông C thường hay ghen tuông đánh đập bà L. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2019 (bà L lên Đồng Nai làm công nhân), thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Đối với ông C ông không đồng ý ly hôn với lý do còn thương yêu vợ con nhưng không đưa ra được những chứng cứ thuyết phục. Trong tình cảm vợ chồng phải xây dựng và phát triển từ hai phía. Tại Tòa, trong quá trình hòa giải, bà L cương quyết xin ly hôn bà L cho rằng đã tạo cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng ông C không sửa chữa lỗi lầm, rất vũ phu, bạo lực gia đình. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông C nữa. Nếu kéo dài cuộc hôn nhân này sẽ làm khổ cho

cả hai và làm ảnh hưởng đến con cái. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà L yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Cháu Đào Thành C1, sinh ngày 10/11/2007 có nguyện vọng sống với cha và cháu Đào Thị Huyền T, sinh ngày 27/3/2012 có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó cần chấp thuận theo nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà L yêu cầu nên bà L phải chịu theo luật định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Tuyên xử**:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Thạch Thị Phol L (Pho L).

- Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Phol L (Pho L) được quyền ly hôn với ông Đào Thành C.

- Về con chung: Giao cháu tên Đào Thành C1, sinh ngày 10/11/2007 cho ông Đào Thành C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Đào Thị Huyền T, sinh ngày 27/3/2012 cho bà Thạch Thị Phol L (Pho L) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà L và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L và ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà L và ông C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người kia thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đào Thành C không phải phải nộp án phí.

+ Bà Thạch Thị Phol L (Pho L) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004114 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà L đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng**

**Nơi nhận:**
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh Sóc T (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh S;
-Lưu HSVA.